

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 71; 81; 82; 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1983. Trú tại: Số 1, Hẻm 9, đường P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà **Lộc Thụy Vy U**, sinh năm 1983. Trú tại: Số 1, Hẻm 9, đường P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lộc Thụy Vy U và ông Nguyễn Văn V đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã S, tỉnh Thanh Hoá) vào năm 2010. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có thời gian tìm hiểu nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, cuộc sống chung không hòa hợp. Hiện nay ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng hòa giải nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức và không trái pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Vy Thiên A, sinh ngày 03/11/2010 và Nguyễn Văn Thiên B, sinh ngày 30/01/2012. Khi ly hôn ông bà thỏa thuận giao 02 con chung Nguyễn Vy Thiên A và Nguyễn Văn Thiên B cho bà Lộc Thụy Vy U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên. Ông Nguyễn Văn V cấp dưỡng với mức 15.000.000 đồng/tháng/con tổng cộng cấp dưỡng 30.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2026 cho đến ngày các con chung thành niên.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà có văn bản thỏa thuận giải quyết về tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Văn V nhận chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lộc Thụy Vy U và ông Nguyễn Văn V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lộc Thụy Vy U trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Vy Thiên A, sinh ngày 03/11/2010 và Nguyễn Văn Thiên B, sinh ngày 30/01/2012 cho đến ngày các con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn V cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Vy Thiên A, sinh ngày 03/11/2010 và Nguyễn Văn Thiên B, sinh ngày 30/01/2012 với mức 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*)/tháng/con tổng cộng cấp dưỡng 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2026 cho đến ngày các con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Văn V nhận nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000605 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng do ông V nộp. Ông V đã nộp đủ lệ phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 2 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã S, tỉnh Thanh Hoá (Số 02, quyển số 01, ngày đăng ký 14/01/2010 tại UBND xã C);
- Lưu: Hồ sơ việc hôn nhân gia đình.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Hạnh

